



Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

(trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân
hàng TMCP Nhà Hà Nội)

Báo cáo của Ban Giám đốc và các báo cáo tài chính giữa niên độ đã
được soát xét

tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
cùng ngày

 **ERNST & YOUNG**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
(trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|---|--------------|
| THÔNG TIN CHUNG | 1 - 2 |
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 3 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ SOÁT XÉT | |
| Báo cáo về kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ | 4 - 5 |
| Bảng cân đối kế toán giữa niên độ | 6 - 8 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ | 9 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ | 10 |
| Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ | 11 |
| Thuyết minh các báo cáo tài chính giữa niên độ | 12 - 41 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
(trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội ("Công ty") với tên tiếng Anh là Habubank Securities Joint Stock Company được thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 112/GP-UBCK ngày 26 tháng 8 năm 2011 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội và được chuyển đổi từ hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần từ ngày 1 tháng 9 năm 2011.

Theo Giấy phép Thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 112/GP-UBCK, vốn điều lệ của Công ty vào đầu ngày 1 tháng 9 năm 2011 là 150.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, số vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại 2C Vạn Phúc, Phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên | Chức danh | Ngày bổ nhiệm |
|--------------------------|------------|----------------------------------|
| Ông Nguyễn Tuấn Minh | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 5 tháng 8 năm 2011 |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Bình | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 5 tháng 8 năm 2011 |
| Bà Nguyễn Thị Kim Oanh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 5 tháng 8 năm 2011 |

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên | Chức danh | Ngày bổ nhiệm |
|-----------------------|----------------------|----------------------------------|
| Bà Trần Thị Lan Hương | Trưởng ban kiểm soát | Bổ nhiệm ngày 5 tháng 8 năm 2011 |

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên | Chức danh | Ngày bổ nhiệm |
|-----------------------|--------------|-----------------------------------|
| Bà Lê Kim Chi | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 5 tháng 8 năm 2011 |
| Ông Dương Xuân Phương | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 5 tháng 8 năm 2011 |
| Bà Lê Thị Thu Hiền | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 5 tháng 8 năm 2011 |
| Ông Nguyễn Thế Minh | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2012 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
(trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Tuấn Minh - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Người ký các báo cáo tài chính kèm theo là Bà Lê Kim Chi – Chức danh: Phó Giám đốc theo Giấy Ủy quyền số 313 ngày 18 tháng 6 năm 2012 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
(trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 7 năm 2012

Số tham chiếu: 60755010/15017038

BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội

Chúng tôi đã soát xét các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội ("Công ty") được trình bày từ trang 6 đến trang 41 bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu các báo cáo tài chính giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân viên của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trong yếu tố tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Mặc dù không đưa ra ý kiến chấp nhận từng phần, chúng tôi xin lưu ý một số vấn đề sau:

- ▶ Như được trình bày tại Thuyết minh số 19.5 – Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán, Đại Hội đồng Cổ đông của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội, là cổ đông lớn chiếm nắm giữ 98,47% số lượng cổ phần của Công ty, đã thông qua đề án sáp nhập Ngân hàng này với Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội. Đề án sáp nhập này đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận về nguyên tắc theo Công văn số 3651/TGGSNNNN ban hành ngày 15 tháng 6 năm 2012. Do việc sáp nhập này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính giữa niên độ và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty, do đó các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.
- ▶ Kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 là kỳ kế toán đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính giữa niên độ, vì thế Công ty sử dụng số liệu tài chính đã được kiểm toán cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 9 năm 2011 (là ngày công ty chuyển đổi từ hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 làm số liệu so sánh cho mục đích tham khảo.



Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0452/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 7 năm 2012

Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0761/KTV

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
 (trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

B01-CTCK

Đơn vị: đồng Việt Nam

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Ngày 30 tháng 6 năm 2012 | Ngày 31 tháng 12 năm 2011 |
|-------|--|-------------|---|--|
| 100 | A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 552.855.778.756 | 587.301.762.853 |
| 110 | <i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i> | 4 | 364.180.127.957 327.263.127.957 36.917.000.000 | 265.108.109.955 235.720.109.955 29.388.000.000 |
| 111 | 1. Tiền | | | |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | | |
| 120 | <i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i> | 6 | 62.781.816.259 77.975.205.522 (15.193.389.263) | 70.776.819.256 94.745.070.500 (23.968.251.244) |
| 121 | 1. Đầu tư ngắn hạn | | | |
| 129 | 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | | | |
| 130 | <i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i> | 7 | 125.000.784.508 49.860.000 160.849.519.758 72.649.872 (35.971.245.122) | 251.139.787.644 316.226.700 250.632.851.925 190.709.019 - |
| 132 | 1. Trả trước cho người bán | | | |
| 135 | 2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán | | | |
| 138 | 3. Các khoản phải thu khác | | | |
| 139 | 4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | | | |
| 140 | <i>IV. Hàng tồn kho</i> | | - | - |
| 150 | <i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i> | | 893.050.032 670.308.759 109.916.033 112.825.240 | 277.045.998 227.889.957 - |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | | | |
| 154 | 2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 12 | | |
| 158 | 3. Tài sản ngắn hạn khác | | | |
| 200 | B - TÀI SẢN DÀI HẠN | | 29.100.270.981 | 34.817.970.529 |
| 220 | <i>I. Tài sản cố định</i> | | 12.610.741.864 7.641.690.778 20.261.016.499 (12.619.325.721) | 16.048.439.850 9.776.307.680 20.217.089.099 (10.440.781.419) |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 8 | | |
| 222 | Nguyên giá | | | |
| 223 | Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 9 | | |
| 228 | Nguyên giá | | | |
| 230 | Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| 230 | 3. Chi phí đầu tư xây dựng dở dang | | | |
| 250 | <i>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i> | 10 | 11.618.381.653 15.000.000.000 (3.381.618.347) | 15.000.000.000 15.000.000.000 - |
| 258 | 1. Đầu tư dài hạn khác | | | |
| 259 | 2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | | | |
| 260 | <i>III. Tài sản dài hạn khác</i> | | 4.871.147.464 4.871.147.464 | 3.769.530.679 3.769.530.679 |
| 263 | 1. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán | 11 | | |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 581.956.049.737 | 622.119.733.382 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
 (trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

B01-CTCK

Đơn vị: đồng Việt Nam

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Ngày 30 tháng 6 năm 2012 | Ngày 31 tháng 12 năm 2011 |
|------------|--|-------------|---------------------------|------------------------------|
| 300 | A - NỢ PHẢI TRẢ | | 425.953.110.279 | 436.145.355.264 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 425.953.110.279 | 436.145.355.264 |
| 312 | 1. Phải trả người bán | | - | 1.526.289.600 |
| 313 | 2. Người mua trả tiền trước | | - | 220.000.000 |
| 314 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 12 | 41.345.784 803.402.932 | 1.978.900.408 829.850.848 |
| 315 | 4. Phải trả người lao động | 13 | 378.671.272.000 | 383.848.595.217 |
| 317 | 5. Phải trả các bên liên quan | | | |
| 320 | 6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | | 45.671.039.369 | 36.057.742.295 |
| 321 | 7. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu | | 53.669.900 | 8.153.500 |
| 328 | 8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 14 | 712.380.294 | 11.675.823.396 |
| 400 | B - VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 156.002.939.458 | 185.974.378.118 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 15 | 156.002.939.458 | 185.974.378.118 |
| 411 | 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | 150.000.000.000 | 150.000.000.000 |
| 418 | 2. Quỹ dự phòng tài chính | | 30.000.000.000 | 30.000.000.000 |
| 420 | 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế) | | (23.997.060.542) | 5.974.378.118 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 581.956.049.737 | 622.119.733.382 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
 (trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị: đồng Việt Nam

| Mã số | CHỈ TIÊU | Ngày 30 tháng 6 năm 2012 | Ngày 31 tháng 12 năm 2011 |
|-------|--|-----------------------------|------------------------------|
| 005 | 1. Ngoại tệ các loại | - | - |
| 006 | 2. Chứng khoán lưu ký | 1.054.179.080.000 | 1.828.122.810.000 |
| 007 | 2.1. Chứng khoán giao dịch | 771.923.710.000 | 1.489.988.140.000 |
| 008 | 2.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký | 8.018.770.000 | 13.990.100.000 |
| 009 | 2.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước | 750.664.190.000 | 1.474.752.330.000 |
| 010 | 2.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài | 13.240.750.000 | 1.245.710.000 |
| 012 | 2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch | 70.262.880.000 | 127.354.000.000 |
| 014 | 2.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước | 70.262.880.000 | 127.354.000.000 |
| 017 | 2.3. Chứng khoán cầm cố | 182.135.290.000 | 189.921.920.000 |
| 019 | 2.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước | 163.462.500.000 | 189.921.920.000 |
| 020 | 2.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài | 18.672.790.000 | - |
| 027 | 2.4. Chứng khoán chờ thanh toán | 21.494.920.000 | 15.617.320.000 |
| 029 | 2.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước | 21.494.920.000 | 15.617.320.000 |
| 037 | 2.5. Chứng khoán chờ giao dịch | 8.362.280.000 | 5.241.430.000 |
| 038 | 2.5.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký | - | 204.780.000 |
| 039 | 2.5.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước | 8.362.280.000 | 5.036.650.000 |
| 050 | 3. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết | 5.067.090.000 | 6.056.990.000 |
| 051 | 3.1. Chứng khoán giao dịch | 5.067.090.000 | 6.043.890.000 |
| 052 | 3.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký | 2.435.790.000 | 2.434.000.000 |
| 053 | 3.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước | 2.631.300.000 | 3.609.890.000 |
| 071 | 3.2. Chứng khoán chờ thanh toán | - | 13.100.000 |
| 073 | 3.2.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước | - | 13.100.000 |
| 082 | 4. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng | 502.480.000 | 11.980.900.000 |
| 083 | 5. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán | 17.738.600.000 | 17.697.280.000 |



Ông Nguyễn Quang Anh
 Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 7 năm 2012



Bà Lê Kim Chi
 Phó Giám đốc

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
 (trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

B02-CTCK

Đơn vị: đồng Việt Nam

| Mã số | CHỈ TIẾU | Thuyết minh | Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012 | Cho giai đoạn từ 1/9/2011 đến ngày 31/12/2011 |
|-------|---|-------------|---|---|
| 01 | 1. Doanh thu | 16 | 58.940.508.322 | 34.416.468.238 |
| 01.1 | Trong đó: | | | |
| 01.1 | Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán | | 43.656.116.128 | 25.234.234.385 |
| 01.2 | Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn | | 2.938.165.608 | 338.547.800 |
| 01.5 | Doanh thu hoạt động tư vấn | | 416.719.146 | 4.241.055.819 |
| 01.6 | Doanh thu lưu ký chứng khoán | | 163.430.616 | 49.822.472 |
| 01.9 | Doanh thu khác | | 11.766.076.824 | 4.552.807.762 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | - | - | - |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh | 16 | 58.940.508.322 | 34.416.468.238 |
| 11 | 4. Chi phí hoạt động kinh doanh | 17 | (74.900.209.460) | (21.994.416.476) |
| 20 | 5. Lợi nhuận/(lỗ) gộp của hoạt động kinh doanh | | (15.959.701.138) | 12.422.051.762 |
| 25 | 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 18 | (8.046.689.921) | (4.973.314.632) |
| 30 | 7. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh | | (24.006.391.059) | 7.448.737.130 |
| 31 | 8. Thu nhập khác | | 11.530.517 | 23.516.354 |
| 32 | 9. Chi phí khác | | (2.200.000) | (88.917.787) |
| 40 | 10. Lợi nhuận/(lỗ) khác | | 9.330.517 | (65.401.433) |
| 50 | 11. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế | | (23.997.060.542) | 7.383.335.697 |
| 51 | 12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 12 | - | (1.408.957.579) |
| 60 | 13. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | (23.997.060.542) | 5.974.378.118 |
| 70 | 15. Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu | 19.2 | (1.600) | 398 |

Ông Nguyễn Quang Anh
 Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 7 năm 2012



Bà Lê Kim Chi
 Phó Giám đốc

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
 (trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
 cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

B03-CTCK

Đơn vị: đồng Việt Nam

| Mã số | CHỈ TIẾU | Thuyết minh | Cho giai đoạn từ 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012 | Cho giai đoạn từ ngày 1/9/2011 đến ngày 31/12/2011 |
|-------|--|-------------|--|--|
| | I. LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế | | (23.997.060.542) | 7.383.335.697 |
| 02 | 2. Điều chỉnh cho các khoản Khấu hao TSCĐ | 8.9 | 3.618.125.386 | 2.608.487.573 |
| 03 | Các khoản dự phòng | 6 | 13.607.497.460 | 2.555.787.936 |
| 05 | (Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư | 16 | (11.766.076.824) | (4.552.807.762) |
| 06 | Chi phí lãi tiền gửi trả cho nhà đầu tư | | 12.119.864.486 | 12.834.434.169 |
| 08 | 3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | (6.417.650.034) | 20.829.237.613 |
| 09 | (Tăng) các khoản phải thu | | 107.074.592.843 | 67.872.835.824 |
| 10 | (Tăng) đầu tư ngắn hạn | | 16.769.864.978 | 1.207.729.776 |
| 11 | Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | | (16.276.539.137) | (22.122.324.524) |
| 12 | (Tăng)/ giảm chi phí trả trước | | (442.418.802) | 59.179.217 |
| 13 | Tiền lãi vay đã trả | | (12.119.864.486) | (12.834.434.169) |
| 16 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (1.101.616.784) | - |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 87.486.368.578 | 55.012.223.737 |
| | II. LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 8.9 | (180.427.400) | (20.389.600) |
| 22 | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 8.9 | - | 88.917.787 |
| 27 | Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cỗ tức và lợi nhuận được chia | 16 | 11.766.076.824 | 4.552.807.762 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | 11.585.649.424 | 4.621.335.949 |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | | 99.072.018.002 | 59.633.559.686 |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | | 265.108.109.955 | 205.474.550.269 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 4 | 364.180.127.957 | 265.108.109.955 |

Heeeeeeee

Ông Nguyễn Quang Anh
 Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 7 năm 2012



Bà Lê Kim Chi
 Phó Giám đốc

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
 (trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
 cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị: đồng Việt Nam

| Chỉ tiêu | Thuyết minh | Số dư đầu kỳ | Số tăng/giảm trong kỳ | | Số dư cuối kỳ |
|--|-------------|------------------------|---------------------------|-------------------------|------------------------|
| | | | Tăng | Giảm | |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 15 | 150.000.000.000 | - | - | 150.000.000.000 |
| 2. Quỹ dự phòng tài chính | 15 | 30.000.000.000 | - | - | 30.000.000.000 |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế) | 15 | 5.974.378.118 | - (29.971.438.660) | (29.971.438.660) | (23.997.060.542) |
| TỔNG CỘNG | | 185.974.378.118 | - (29.971.438.660) | (29.971.438.660) | 156.002.939.458 |

Heeeeeeee

Ông Nguyễn Quang Anh
 Kế toán Trưởng



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 7 năm 2012

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
(trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội ("Công ty") với tên tiếng Anh là Habubank Securities Joint Stock Company được thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 112/GP-UBCK ngày 26 tháng 8 năm 2011 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội và được chuyển đổi từ hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần từ ngày 1 tháng 9 năm 2011.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại 2C Vạn Phúc, Phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và chấp nhận tăng vốn điều lệ theo Quyết định số 66/UBCK-GP của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") ban hành ngày 24 tháng 8 năm 2007, vốn điều lệ của Công ty vào đầu ngày 1 tháng 9 năm 2011 là 150.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, số vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng.

Hội đồng Quản trị

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên | Chức danh | Ngày bổ nhiệm |
|--------------------------|------------|----------------------------------|
| Ông Nguyễn Tuấn Minh | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 5 tháng 8 năm 2011 |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Bình | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 5 tháng 8 năm 2011 |
| Bà Nguyễn Thị Kim Oanh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 5 tháng 8 năm 2011 |

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên | Chức danh | Ngày bổ nhiệm |
|-----------------------|----------------------|----------------------------------|
| Bà Trần Thị Lan Hương | Trưởng ban kiểm soát | Bổ nhiệm ngày 5 tháng 8 năm 2011 |

Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên | Chức danh | Ngày bổ nhiệm |
|-----------------------|--------------|-----------------------------------|
| Bà Lê Kim Chi | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 5 tháng 8 năm 2011 |
| Ông Dương Xuân Phương | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 5 tháng 8 năm 2011 |
| Bà Lê Thị Thu Hiền | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 5 tháng 8 năm 2011 |
| Ông Nguyễn Thế Minh | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2012 |

Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty có 54 nhân viên (năm 2011: 82 nhân viên).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
(trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hoặc "VNĐ") phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính, Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Sổ nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Nhiên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Kỳ kế toán Công ty cho việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 và kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam (VNĐ).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
(trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

| Thời gian quá hạn | Mức trích dự phòng |
|--|--------------------|
| Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm | 30% |
| Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm | 50% |
| Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm | 70% |
| Từ ba (03) năm trở lên | 100% |

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
(trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KÉ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.5 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| | |
|-------------------------------|-------|
| Máy móc, thiết bị | 3 năm |
| Phương tiện vận tải | 6 năm |
| Tài sản cố định hữu hình khác | 3 năm |
| Phần mềm máy tính | 3 năm |

3.6 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 Đầu tư chứng khoán

Thông tư số 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kê toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

3.7.1 Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào chứng khoán thương mại. Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi đòn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ. Chứng khoán thương mại được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên khoản mục "Chi phí hoạt động kinh doanh".

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
(trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Đầu tư chứng khoán (tiếp theo)

3.7.2 Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác dưới 20% quyền biểu quyết. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi có bằng chứng khách quan về việc giảm giá lâu dài của khoản đầu tư.

3.8 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

3.8.1 Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá gốc.

3.8.2 Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư dài hạn khác được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo hướng dẫn tại Điều 5 khoản 2 Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ Vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
(trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KÉ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính giữa niên độ. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản/ chi phí chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính giữa niên độ. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu/ khoản phải trả chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại. Đối với các cam kết quá hạn, phần chênh lệch này không được dự thu và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi Công ty thực hiện.

Công ty đang trích lập dự phòng cho các hợp đồng mua lại và bán lại chứng khoán quá hạn theo theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Các nghiệp vụ mua và bán lại chứng khoán

Doanh thu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo thời hạn của hợp đồng mua và bán lại chứng khoán theo phương pháp đường thẳng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
(trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

3.12 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán kinh doanh

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn trái phiếu dài hạn bán ra.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
(trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KÉ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
(trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KÉ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Lợi ích của nhân viên

3.15.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội, Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.15.2 Trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân của giai đoạn sáu tháng tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ.

3.15.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1,00% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1,00% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
 (trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | Đơn vị: đồng Việt Nam | |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| | Ngày 30 tháng 6 năm 2012 | Ngày 31 tháng 12 năm 2011 |
| Tiền | | |
| <i>Tiền mặt</i> | 70.501.600 | 49.497.000 |
| <i>Tiền gửi ngân hàng</i> | 326.014.345.128 | 235.670.612.955 |
| Tiền gửi của Công ty | | |
| - Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội – Chi nhánh Vạn Phúc | 315.973.831.724 | 228.024.867.060 |
| - Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội – Hội sở chính | 114.461.021 | 1.004.260.534 |
| - Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội – Chi nhánh TP.HCM | 315.671.272.001 | 226.973.256.549 |
| - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Hà Thành | 1.256.298 | 17.422.527 |
| - Ngân hàng Ngoại thương – Chi nhánh Thanh Hóa | 186.248.133 | 29.927.450 |
| - | 594.271 | - |
| Tiền gửi của nhà đầu tư (*) | | |
| - Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội – Chi nhánh Vạn Phúc | 10.040.513.404 | 7.645.745.895 |
| - Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội – Chi nhánh TP.HCM | 10.024.751.374 | 7.642.728.142 |
| - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Ba Đình | 1.040.600 | 1.551.576 |
| - Ngân hàng Hàng Hải – Chi nhánh Đồng Đa | 1.466.177 | 1.466.177 |
| - | 13.255.253 | - |
| Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán | 1.178.281.229 | - |
| Các khoản tương đương tiền | 36.917.000.000 | 29.388.000.000 |
| Tiền gửi có thời hạn dưới 3 tháng của Công ty | 2.452.000.000 | 976.000.000 |
| - Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội – Chi nhánh TP. HCM | 2.452.000.000 | 976.000.000 |
| Tiền gửi có thời hạn dưới 3 tháng của nhà đầu tư (*) | 34.465.000.000 | 28.412.000.000 |
| - Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội – Chi nhánh TP. HCM | 4.465.000.000 | 8.412.000.000 |
| - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Bến Thành | 30.000.000.000 | - |
| - Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội – Chi nhánh Vạn Phúc | - | 20.000.000.000 |
| | 364.180.127.957 | 265.108.109.955 |

(*): Các khoản mục tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty, cụ thể là được bao gồm trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty đứng tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
 (trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

Giá trị, khối lượng giao dịch thực hiện trong giai đoạn tài chính sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

| | <i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ (Cổ phiếu)</i> | <i>Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ (VND)</i> |
|-------------------|---|---|
| 1. Của Công ty | 218.938 | 7.420.840.754 |
| Cổ phiếu | 218.938 | 7.420.840.754 |
| Trái phiếu | - | - |
| Chứng khoán khác | - | - |
| 2. Của nhà đầu tư | 10.769.837 | 2.492.637.661.200 |
| Cổ phiếu | 9.919.837 | 2.402.962.661.200 |
| Trái phiếu | 850.000 | 89.675.000.000 |
| Chứng khoán khác | - | - |
| | 10.988.775 | 2.500.058.501.954 |

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

| | <i>Đơn vị: đồng Việt Nam</i> | |
|--|-------------------------------------|--------------------------------------|
| | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2012</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i> |
| Chứng khoán thương mại | 26.746.818.522 | 33.262.868.276 |
| Đầu tư ngắn hạn khác | 51.228.387.000 | 61.482.202.224 |
| | 77.975.205.522 | 94.745.070.500 |
| Dự phòng giảm giá CK thương mại | (15.193.389.263) | (23.968.251.244) |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn khác | - | - |
| | (15.193.389.263) | (23.968.251.244) |
| | 62.781.816.259 | 70.776.819.256 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
 (trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.1 Chứng khoán thương mại

Chi tiết tình hình đầu tư ngắn hạn vào chứng khoán thương mại của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

| Chỉ tiêu | Số lượng | Giá trị ghi sổ | Tăng giá so với thị trường | Giảm so với giá thị trường | Đơn vị: đồng Việt Nam |
|---|------------------|-----------------------|----------------------------|----------------------------|-----------------------|
| Cổ phiếu niêm yết | | | | | |
| ANV | 25.000 | 2.153.668.146 | - | (1.943.668.146) | 210.000.000 |
| MBB | 340.360 | 6.439.863.079 | - | (1.674.823.079) | 4.765.040.000 |
| TV1 | 140.070 | 2.398.000.000 | - | (1.501.552.000) | 896.448.000 |
| EIB | 140.938 | 3.653.924.643 | - | (976.102.643) | 2.677.822.000 |
| HOM | 90.089 | 1.441.191.700 | - | (819.577.600) | 621.614.100 |
| Các cổ phiếu nhỏ lẻ khác | 60.410 | 1.497.340.921 | 51.904.241 | (893.297.962) | 655.947.200 |
| | 796.867 | 17.583.988.489 | 51.904.241 | (7.809.021.430) | 9.826.871.300 |
| Cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM | | | | | |
| HIG | 243.350 | 5.426.705.000 | - | (3.966.605.000) | 1.460.100.000 |
| Các cổ phiếu nhỏ lẻ khác | 229 | 5.065.033 | - | (4.652.833) | 412.200 |
| | 243.579 | 5.431.770.033 | - | (3.971.257.833) | 1.460.512.200 |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | | | | | |
| MSB | 33.060 | 1.007.860.000 | - | (759.910.000) | 247.950.000 |
| HNK | 40.000 | 2.670.000.000 | - | (2.630.000.000) | 40.000.000 |
| Các cổ phiếu nhỏ lẻ khác | 800 | 53.200.000 | - | (23.200.000) | 30.000.000 |
| | 73.860 | 3.731.060.000 | - | (3.413.110.000) | 317.950.000 |
| Tổng | 1.114.306 | 26.746.818.522 | 51.904.241 | (15.193.389.263) | 11.605.333.500 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
 (trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.1 Chứng khoán thương mại (tiếp theo)

Chi tiết tình hình đầu tư ngắn hạn vào chứng khoán thương mại của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

| Chỉ tiêu | Số lượng | Giá trị ghi sổ | Tăng giá so với thị trường | Giảm so với giá thị trường | Đơn vị: đồng Việt Nam |
|---|------------------|-----------------------|----------------------------|----------------------------|-----------------------|
| Cổ phiếu niêm yết | | | | | |
| ANV | 105.880 | 9.121.215.430 | - | (8.337.703.430) | 783.512.000 |
| MBB | 279.179 | 5.828.053.079 | - | (2.812.919.879) | 3.015.133.200 |
| EIB | 120.460 | 3.653.924.643 | - | (1.931.346.643) | 1.722.578.000 |
| TV1 | 140.070 | 2.398.000.000 | - | (1.655.629.000) | 742.371.000 |
| HOM | 100.089 | 1.601.165.900 | - | (1.230.836.600) | 370.329.300 |
| Các cổ phiếu nhỏ lẻ khác | 60.322 | 1.502.429.224 | 34.110.468 | (844.242.692) | 692.297.000 |
| | 806.000 | 24.104.788.276 | 34.110.468 | (16.812.678.244) | 7.326.220.500 |
| Cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM | | | | | |
| HIG | 243.350 | 5.426.705.000 | - | (3.601.580.000) | 1.825.125.000 |
| Các cổ phiếu nhỏ lẻ khác | 50 | 315.000 | - | (245.000) | 70.000 |
| | 243.400 | 5.427.020.000 | - | (3.601.825.000) | 1.825.195.000 |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | | | | | |
| MSB | 30.060 | 1.007.860.000 | - | (892.148.000) | 115.712.000 |
| HNK | 40.000 | 2.670.000.000 | - | (2.630.000.000) | 40.000.000 |
| Các cổ phiếu nhỏ lẻ khác | 800 | 53.200.000 | - | (31.600.000) | 21.600.000 |
| | 70.860 | 3.731.060.000 | - | (3.553.748.000) | 177.312.000 |
| Tổng | 1.120.260 | 33.262.868.276 | 34.110.468 | (23.968.251.244) | 9.328.727.500 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
 (trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.2 Đầu tư ngắn hạn khác

Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

| | Đơn vị: đồng Việt Nam | |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| | Ngày 30 tháng 6 năm 2012 | Ngày 31 tháng 12 năm 2011 |
| Hợp đồng mua bán chứng khoán chưa niêm yết (*) | | |
| Khách hàng Ngô Văn Toàn | 30.600.000.000 | 29.898.000.000 |
| | 30.600.000.000 | 29.898.000.000 |
| Hợp đồng hợp tác kinh doanh với các đối tác (**) | | |
| Khách hàng Lê Thị Thu Hiền | 20.628.387.000 | 27.470.604.184 |
| Khách hàng Dương Xuân Phương | - | 2.307.473.000 |
| Khách hàng Hà Thị Nhàn | - | 1.201.398.000 |
| Khách hàng Hoàng Thị Soa | - | 604.727.040 |
| | 20.628.387.000 | 31.584.202.224 |
| Đầu tư Ngắn hạn khác | 51.228.387.000 | 61.482.202.224 |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn khác | - | - |
| Tổng | 51.228.387.000 | 61.482.202.224 |

(*): Công ty thực hiện mua bán chứng khoán chưa niêm yết với nhà đầu tư với thời hạn hợp đồng từ 90 đến 180 ngày theo Hợp đồng mua bán chứng khoán là cổ phiếu của Công ty Cổ phần CN Sinh học Dược phẩm ICA. Giá trị của hợp đồng này tương ứng với mức giá 18.000 đồng/cổ phiếu. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, nhà đầu tư đã thanh toán cho Công ty số tiền là 2.702.000.000 đồng. Công ty gia hạn thanh toán đến ngày 1 tháng 6 năm 2013. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, giá cổ phiếu của Công ty cổ phần CN Sinh học dược phẩm ICA là 40.000 đồng/cổ phiếu theo báo giá đăng trên báo Đầu tư chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2012.

(**): Đây là các hợp đồng hợp tác kinh doanh đã đáo hạn và được gia hạn thanh toán đến tháng 8 năm 2012. Sau ngày 30 tháng 6 năm 2012, số dư của khoản đầu tư ngắn hạn khác vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần CN Sinh học Dược phẩm ICA là 4.729.395.000 đồng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
 (trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐQ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HẠN

| | Ngày 31 tháng 12 năm 2011 | Số phát sinh trong kỳ | | | Ngày 30 tháng 6 năm 2012 | | | Đơn vị: đồng Việt Nam | |
|--|---------------------------|-----------------------|------------------|--------------------------|----------------------------|------------------------|------------------|------------------------|-----------------------|
| | | Số quá hạn | Số khó đài | Tăng | Giảm | Tổng số | Số quá hạn | Số khó đài | |
| 1. Trả trước cho người bán | 316.226.700 | - | - | 669.327.663 | (935.694.363) | 49.860.000 | - | - | - |
| 2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán | 250.632.851.925 | - | - | 1.704.135.400.864 | (1.793.918.733.031) | 160.849.519.758 | - | 139.387.747.122 | 35.971.245.122 |
| Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán | 250.632.851.925 | - | - | 1.704.135.400.864 | (1.793.918.733.031) | 160.849.519.758 | - | 139.387.747.122 | 35.971.245.122(*) |
| 3. Các khoản phải thu khác | 190.709.019 | - | - | 218.413.807.521 | (218.531.866.668) | 72.649.872 | - | - | - |
| Dự thu lãi từ các hợp đồng tiền gửi | 189.021.040 | - | - | 51.899.802 | (189.021.040) | 51.899.802 | - | - | - |
| Các khoản phải thu khác | 1.687.979 | - | - | 218.361.907.719 | (218.342.845.628) | 20.750.070 | - | - | - |
| | <u>251.139.787.644</u> | <u>-</u> | <u>-</u> | <u>1.923.218.536.048</u> | <u>(2.013.386.294.062)</u> | <u>160.972.029.630</u> | <u>-</u> | <u>139.387.747.122</u> | <u>35.971.245.122</u> |

(*): Dự phòng phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán bao gồm 19.000.741.094 đồng trích lập cho dự nợ gốc và 16.970.504.028 đồng trích lập cho số tiền lãi phải thu khó đòi. Công ty đã ngừng trích dự thu lãi kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2012.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
 (trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

| | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải | Tài sản cố định hữu hình khác | Đơn vị: đồng Việt Nam Tổng cộng |
|------------------------------|----------------------|------------------------|----------------------------------|------------------------------------|
| Nguyên giá: | | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012 | 19.597.117.855 | 431.371.559 | 188.599.685 | 20.217.089.099 |
| Tăng trong kỳ | 43.927.400 | - | - | 43.927.400 |
| Giảm trong kỳ | - | - | - | - |
| Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 | 19.641.045.255 | 431.371.559 | 188.599.685 | 20.261.016.499 |
| Giá trị hao mòn: | | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012 | 9.923.709.098 | 395.623.639 | 121.448.682 | 10.440.781.419 |
| Chi phí trong kỳ | 2.123.782.980 | 35.747.920 | 19.013.402 | 2.178.544.302 |
| Giảm trong kỳ | - | - | - | - |
| Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 | 12.047.492.078 | 431.371.559 | 140.462.084 | 12.619.325.721 |
| Giá trị còn lại: | | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012 | 9.673.408.757 | 35.747.920 | 67.151.003 | 9.776.307.680 |
| Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 | 7.593.553.177 | - | 48.137.601 | 7.641.690.778 |

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

| | Phần mềm máy tính | Tài sản cố định vô hình khác | Đơn vị: đồng Việt Nam Tổng cộng |
|------------------------------|----------------------|---------------------------------|------------------------------------|
| Nguyên giá: | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012 | 9.350.597.720 | 439.296.000 | 9.789.893.720 |
| Tăng trong kỳ | 136.500.000 | - | 136.500.000 |
| Trong đó: | | | |
| - Mua mới | 96.500.000 | - | 96.500.000 |
| - Tăng khác | 40.000.000 | - | 40.000.000 |
| Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 | 9.487.097.720 | 439.296.000 | 9.926.393.720 |
| Giá trị hao mòn: | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012 | 3.078.465.550 | 439.296.000 | 3.517.761.550 |
| Chi phí trong kỳ | 1.439.581.084 | - | 1.439.581.084 |
| Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 | 4.518.046.634 | 439.296.000 | 4.957.342.634 |
| Giá trị còn lại: | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012 | 6.272.132.170 | - | 6.272.132.170 |
| Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 | 4.969.051.086 | - | 4.969.051.086 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
 (trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Chi tiết đầu tư dài hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

| Tên đơn vị | Tổng vốn đầu tư của đơn vị nhận đầu tư đồng | Tỷ lệ sở hữu của công ty % | Số vốn thực góp đồng |
|--|---|----------------------------|-----------------------------------|
| Công ty CP Đầu tư & Du lịch Cam Lập Dự phòng cho các khoản đầu tư | 85.500.000.000 | 17,54% | 15.000.000.000 (3.381.618.347) |
| | | | 11.618.381.653 |

11. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

| | Đơn vị: đồng Việt Nam | |
|---------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| | Ngày 30 tháng 6 năm 2012 | Ngày 31 tháng 12 năm 2011 |
| Tiền nộp đầu kỳ | 3.769.530.679 | 3.769.530.679 |
| Tiền nộp bổ sung trong kỳ | 1.101.616.785 | - |
| Giảm trong kỳ | - | - |
| | 4.871.147.464 | 3.769.530.679 |

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | Đơn vị: đồng Việt Nam | |
|----------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| | Ngày 30 tháng 6 năm 2012 | Ngày 31 tháng 12 năm 2011 |
| Thuế giá trị gia tăng | 11.691.875 | 572.390.555 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 1.377.151.061 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 29.653.909 | 29.358.792 |
| | 41.345.784 | 1.978.900.408 |

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
(trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty được phép kế thừa các nghĩa vụ thuế từ khi chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) trong 2 năm 2006 và 2007 tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2006 và được giảm 50% thuế TNDN trong 3 năm tiếp theo là các năm 2008, 2009 và 2010. Vì năm 2010 là năm thứ năm Công ty đi vào hoạt động và tiếp tục kinh doanh có lãi nên mức thuế suất áp dụng cho năm 2010 là 10%. Từ năm 2011, Công ty áp dụng mức thuế suất 20% theo quy định hiện hành.

| | <i>Đơn vị: đồng Việt Nam</i> | |
|--|--|---|
| | <i>Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012</i> | <i>Cho giai đoạn từ ngày 1/9/2011 đến ngày 31/12/2011</i> |
| Tổng lợi nhuận kế toán/(lỗ) trước thuế | (23.997.060.542) | 7.383.335.697 |
| Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp | - | (338.547.800) |
| Tổng lợi nhuận chịu thuế | - | 7.044.787.897 |
| Thuế suất | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | - | 1.408.957.579 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đầu kỳ | 1.377.151.061 | 2.022.003.233 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp chuyển về Ngân hàng TMCP Nhà HN để nộp trong kỳ | - | (2.022.003.233) |
| Thuế thu nhập đã nộp trong kỳ | (1.487.067.094) | (31.806.518) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp/(tạm ứng) cuối kỳ | (109.916.033) | 1.377.151.061 |

Thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Không có khoản thuế thu nhập hoãn lại trọng yếu nào được ghi nhận trong kỳ do không có khoản mục chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ và giá trị cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ trên các báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
 (trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

13. PHẢI TRẢ CÁC BÊN LIÊN QUAN

| | <i>Đơn vị: đồng Việt Nam</i> | |
|---|-------------------------------------|--------------------------------------|
| | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2012</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i> |
| Lợi nhuận để lại phải trả Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội | 349.263.161.134 | 358.392.859.236 |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải trả cho Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội | 23.433.732.748 | 25.455.735.981 |
| Cổ tức phải trả cho cổ đông | 5.974.378.118 | - |
| | 378.671.272.000 | 383.848.595.217 |

Lợi nhuận để lại phải trả Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội bao gồm lợi nhuận để lại của Công ty trước khi chuyển đổi sang công ty cổ phần của các năm 2006, năm 2007, năm 2008, năm 2009 và năm 2010.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội của Công ty trước khi chuyển đổi sang công ty cổ phần của các năm 2008, năm 2009 và năm 2010 do trước khi chuyển đổi sang hình thức sở hữu sang công ty cổ phần, thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty do Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội nộp hộ.

Cổ tức phải trả cho cổ đông là cổ tức của giai đoạn từ ngày 1 tháng 9 năm 2011 (là ngày Công ty chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu sang công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGÂN HẠN KHÁC

| | <i>Đơn vị: đồng Việt Nam</i> | |
|-----------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------|
| | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2012</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i> |
| Tài sản thừa chờ giải quyết | - | 500.000 |
| Kinh phí công đoàn | 115.286.849 | 316.540.590 |
| Bảo hiểm xã hội | 140.078.450 | 105.484.770 |
| Bảo hiểm y tế | 29.510.896 | 23.921.566 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 8.088.896 | 5.680.436 |
| Phải trả, phải nộp khác | 419.415.203 | 11.223.696.034 |
| | 712.380.294 | 11.675.823.396 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
 (trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)
 THUỶẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo),
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị: đồng Việt Nam

| | Vốn điều lệ | Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | Quỹ dự trữ bắt buộc | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/lỗ lũy kế | Tổng cộng |
|--|-----------------|--------------------------------|---------------------|---|------------------|
| Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2012 | 150.000.000.000 | 15.000.000.000 | 15.000.000.000 | 5.974.378.118 | 185.974.378.118 |
| Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong Kỳ | - | - | - | (23.997.060.542) | (23.997.060.542) |
| Phân phối lợi nhuận về Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội | - | - | - | (5.974.378.118) | (5.974.378.118) |
| Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2012 | 150.000.000.000 | 15.000.000.000 | 15.000.000.000 | (23.997.060.542) | 156.002.939.458 |

Vốn điều lệ

Chi tiết vốn điều lệ của Công ty như sau:

| | Ngày 30 tháng 6 năm 2012 | | | Ngày 31 tháng 12 năm 2011 | | |
|-----------------------------------|--------------------------|-----------------|---------|---------------------------|-----------------|---------------|
| | Vốn CP thường | Vốn CP ưu đãi | Tổng số | Vốn CP thường | Vốn CP ưu đãi | Vốn CP ưu đãi |
| Vốn của Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội | 147.710.070.000 | 147.710.070.000 | - | 148.000.000.000 | 148.000.000.000 | - |
| Vốn của các cổ đông cá nhân khác | 2.289.930.000 | 2.289.930.000 | - | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 | - |
| | 150.000.000.000 | 150.000.000.000 | - | 150.000.000.000 | 150.000.000.000 | - |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
 (trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Theo qui định tại Thông tư 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000, công ty chứng khoán phải sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để lập quỹ như sau:

| | Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế | Mức trích lập tối đa |
|--------------------------------|--|----------------------|
| Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 5% | 10% vốn điều lệ |
| Quỹ dự trữ bắt buộc | 5% | 10% vốn điều lệ |

Công ty thực hiện trích lập các quỹ trên vào thời điểm cuối năm tài chính theo kết quả kinh doanh của năm 2012.

16. DOANH THU

| | Đơn vị: đồng Việt Nam | |
|--|---|--|
| | Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012 | Cho giai đoạn từ ngày 1/9/2011 đến ngày 31/12/2011 |
| 1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán | | |
| Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán | 58.940.508.322 | 34.416.468.238 |
| Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn | 43.656.116.128 | 25.234.234.385 |
| Doanh thu hoạt động tư vấn | 2.938.165.608 | 338.547.800 |
| Doanh thu lưu ký chứng khoán | 416.719.146 | 4.241.055.819 |
| Doanh thu khác (*) | 163.430.616 | 49.822.472 |
| | 11.766.076.824 | 4.552.807.762 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | |
| | 58.940.508.322 | 34.416.468.238 |

(*): Doanh thu khác trong kỳ bao gồm lãi từ các hợp đồng tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, lãi tiền gửi từ Quỹ hỗ trợ thanh toán.

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

| | Đơn vị: đồng Việt Nam | |
|---|---|--|
| | Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012 | Cho giai đoạn từ ngày 1/9/2011 đến ngày 31/12/2011 |
| Chi phí môi giới chứng khoán | 26.663.879.182 | 710.171.441 |
| Chi phí đầu tư chứng khoán, góp vốn | 6.178.117.484 | - |
| Chi phí lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư | 504.517.078 | 354.080.305 |
| Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán | 13.607.497.460 | 2.555.787.936 |
| Chi phí khác | 27.946.198.256 | 18.374.376.794 |
| - Chi phí nhân viên trực tiếp | 2.137.030.186 | 1.464.620.462 |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | 3.191.316.506 | 2.303.457.059 |
| - Chi phí vốn kinh doanh (bao gồm lãi tiền gửi trả cho nhà đầu tư) | 22.225.300.114 | 14.496.227.533 |
| - Chi phí khác | 392.551.450 | 110.071.740 |
| | 74.900.209.460 | 21.994.416.476 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
 (trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị: đồng Việt Nam

| | Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2012 đến ngày 30/6/2012 | Cho giai đoạn từ ngày 1/9/2011 đến ngày 31/12/2011 |
|------------------------------------|--|--|
| Chi phí nhân viên quản lý | 3.812.191.130 | 2.406.113.938 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 13.796.500 | 15.550.046 |
| Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng | 92.216.016 | 69.564.750 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 426.808.880 | 305.030.514 |
| Thuế, phí và lệ phí | 156.396.427 | 119.248.239 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.134.235.642 | 1.777.378.444 |
| Chi phí khác bằng tiền | 1.411.045.326 | 280.428.701 |
| | 8.046.689.921 | 4.973.314.632 |

19. CÁC THÔNG TIN KHÁC

19.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan cho giai đoạn tài chính sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 bao gồm:

Đơn vị: đồng Việt Nam

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Giá trị |
|---------------------------------|-------------|---------------------------------|--------------------|
| Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội | Cổ đông lớn | Gửi tiền tại tài khoản vãng lai | 14.076.175.224.078 |
| | | Rút tiền tại tài khoản vãng lai | 12.770.389.294.475 |
| | | Gửi tiền có kỳ hạn | 1.835.175.000.000 |
| | | Rút tiền có kỳ hạn | 2.794.318.984.548 |
| | | Nhận lãi tiền gửi | 1.853.370.951 |
| | | Nhận lãi từ các HĐ môi giới | 8.283.333.333 |
| | | Chi phí từ các HĐ môi giới | 9.466.666.667 |

Số dư của các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 bao gồm:

Đơn vị: đồng Việt Nam

| Công ty liên quan | Mối quan hệ | Các giao dịch | Khoản phải thu đồng | Khoản phải trả đồng |
|---------------------------------|-------------|---|------------------------|------------------------|
| Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội | Cổ đông lớn | Số dư tiền gửi tại tài khoản vãng lai | 315.786.989.320 | - |
| | | Số dư tiền gửi tại tài khoản kỳ hạn | 2.452.000.000 | - |
| | | Phải trả lợi nhuận để lại | - | 349.263.161.134 |
| | | Phải trả thuế TNDN | - | 23.433.732.748 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
(trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

19. CÁC THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

19.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

| | Đơn vị tính: đồng Việt Nam | |
|--|----------------------------|-----------------------|
| | Cho giai đoạn từ ngày | Cho giai đoạn từ ngày |
| | 1/1/2012 đến ngày | 1/9/2011 đến ngày |
| | 30/6/2012 | 31/12/2011 |

| | | |
|-----------------|----------------------|--------------------|
| Lương và thưởng | 1.108.075.637 | 780.875.637 |
|-----------------|----------------------|--------------------|

19.2 Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu

Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi/(lỗ) trên mỗi cổ phiếu

| | Đơn vị: đồng Việt Nam | |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | Cho giai đoạn từ ngày | Cho giai đoạn từ ngày |
| | 1/1/2012 đến ngày | 1/9/2011 đến ngày |
| | 30/6/2012 | 31/12/2011 |
| Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VNĐ | (23.997.060.542) | 5.974.378.118 |
| Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi/(lỗ) trên mỗi cổ phiếu (cổ phiếu) | 15.000.000 | 15.000.000 |
| Lãi/(lỗ) trên mỗi cổ phiếu - VNĐ | (1.600) | 398 |

19.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công ty có phát sinh rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
(trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

19. CÁC THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

19.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Công ty không có rủi ro ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 9.826.871.300 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 7.326.220.500 đồng).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được, Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
(trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

19. CÁC THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

19.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các công cụ tài chính khác

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
(trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

19. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

19.4 Trình bày bổ sung các thông tin về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư 210/2009/TT-BTC

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khái niệm liên quan như được trình bày tại Thuyết minh số 19.4 trên các báo cáo tài chính riêng chỉ áp dụng đối với việc lập các thuyết minh này. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

Theo Thông tư 210, Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phi phái sinh do Công ty phát hành để xác định liệu công cụ đó có bao gồm cả thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Các thành phần này được phân loại riêng biệt là nợ phải trả tài chính, tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền mặt, vàng bạc, đá quý, các khoản tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản chứng khoán thương mại, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác và các khoản phải thu.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính giữa niên độ, thành một trong các loại sau:

- *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
(trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

19. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

19.4 *Trình bày bổ sung các thông tin về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư 210/2009/TT-BTC* (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

▪ *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

▪ *Các khoản phải thu:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; hoặc
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

▪ *Tài sản sẵn sàng để bán:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
(trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

19. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

19.4 Trình bày bổ sung các thông tin về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả và các khoản nợ phải trả theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành:

- Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- c) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- d) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội
 (trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIỀN ĐỢI (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

19. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

19.4 Trình bày bổ sung các thông tin về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty:

| | Đơn vị tính: đồng Việt Nam Giá trị hợp lý | | | |
|--|--|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Số cuối kỳ | Giá trị ghi sổ | Số đầu kỳ | Số cuối kỳ |
| | Nguyên giá | Dự phòng | Nguyên giá | Dự phòng |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 77.975.205.522 | (15.193.389.263) | 94.745.070.500 | (23.968.251.244) |
| - Cổ phiếu niêm yết | 17.583.988.489 | (7.809.021.430) | 24.104.788.276 | (16.812.678.244) |
| - Cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM | 5.431.770.033 | (3.971.257.833) | 5.427.020.000 | (3.601.825.000) |
| - Cổ phiếu chưa niêm yết | 3.731.060.000 | (3.413.110.000) | 3.731.060.000 | (3.553.748.000) |
| - Đầu tư ngắn hạn khác | 51.228.387.000 | - | 61.482.202.224 | - |
| 364.180.127.957 | (35.971.245.122) | - | 265.108.109.955 | - |
| 160.972.029.630 | (35.971.245.122) | 251.139.787.644 | - | 125.000.784.508 |
| 49.860.000 | (35.971.245.122) | 316.226.700 | - | 49.860.000 |
| 160.849.519.758 | (35.971.245.122) | 250.632.857.925 | - | 124.877.636 |
| 72.649.872 | (3.381.618.347) | 190.709.019 | - | 72.649.872 |
| 15.000.000.000 | (3.381.618.347) | 15.000.000.000 | - | 11.618.381.653 |
| Tổng cộng | 618.127.363.109 | (54.546.252.732) | 625.992.968.099 | (23.968.251.244) |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ | 46.383.419.663 | - | 47.733.565.691 | - |
| - Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 45.671.039.369 | - | 36.057.742.295 | - |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 712.380.294 | - | 11.675.823.396 | - |
| Tổng cộng | 46.383.419.663 | - | 47.733.565.691 | - |

YÊU CẦU
VỐI
CÔNG TY

YÊU CẦU
VỐI
CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
(trước đây có tên gọi là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

19. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

19.4 Trình bày bổ sung các thông tin về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- ▶ Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính đã được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch;
- ▶ Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

19.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Đại Hội đồng Cổ đông của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội, là cổ đông lớn chiếm nắm giữ 98,47% số lượng cổ phần của Công ty, đã thông qua đề án sáp nhập Ngân hàng này với Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội. Đề án sáp nhập này đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận về nguyên tắc theo Công văn số 3651/TGGSNNNN ban hành ngày 15 tháng 6 năm 2012. Do việc sáp nhập này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính giữa niên độ và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty, do đó các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty trong kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán.


Ông Nguyễn Quang Anh
Kế toán Trưởng


Bà Lê Kim Chi
Phó Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 7 năm 2012

